

Tên _____





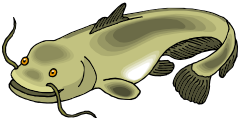

Ngày _____

Bài Tập Tại Lớp #6 (tiếp theo)

Bài Số 15 – Th, Tr

Tr (tê-e-rờ) (phonic – trờ)

** Ghi chú: Tr không có vần với y

<p>1. Trà – tea</p> 	<p>7. Trí nhớ – memory</p>
<p>2. Trả – to give back</p>	<p>8. Học trò – student</p> 
<p>3. Trả giá – to bargain</p>	<p>9. Trở về – to come back</p>
<p>4. Cây tre – bamboo tree</p> 	<p>10. Tru – to howl</p> 
<p>5. Cá trê – catfish</p> 	<p>11. Trừ – to subtract, to eliminate</p>
<p>6. Trễ – late</p> 	<p>12. Dự trữ – to store (up)</p>